

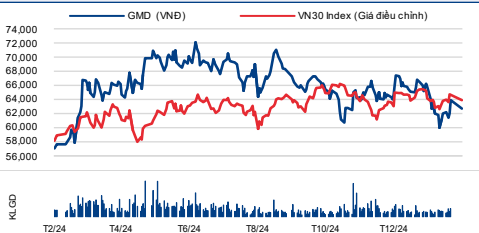
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ81,800
Tiềm năng tăng/giảm: 30.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (3/2/2025)	62,700
Mã Bloomberg	GMD VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	57,062-72,074
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	62,700
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	18,896
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	747
Sig CP lưu hành (tr.đv)	301
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	148
Sig CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	49.0%
Tỷ lệ freefloat	83.5%
Cổ đông lớn	SSJ Consulting (7.17%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	3,846	4,676	5,003
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,767	2,241	2,499
LNTT (tỷ đồng)	3,144	2,031	2,148
LNT ĐC (tỷ đồng)	2,158	925	1,350
FCF (tỷ đồng)	(1,156)	(745)	(1,177)
EPS ĐC (đồng)	7,126	2,234	3,260
DPS (đồng)	2,551	1,626	1,500
BVPS (đồng)	27,975	30,064	31,942
T.trưởng EBITDA (%)	(4.16)	26.9	11.5
T.trưởng EPS ĐC (%)	122	(54.9)	7.09
Tăng trưởng DPS (%)	79.6	(36.3)	(7.73)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	47.9	50.0
Tỷ suất LNTT (%)	81.7	43.4	42.9
Tỷ suất LNT ĐC (%)	57.8	29.3	29.3
Tỷ lệ LN trả CT (%)	34.8	49.1	42.3
Nợ thuần/VCSH (%)	5.78	(4.25)	14.8
ROAE (%)	28.7	13.0	11.4
ROACE (%)	10.3	8.46	7.54
EV/doanh thu (lần)	5.32	5.03	5.16
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.6	10.5	10.3
P/E ĐC (lần)	8.80	28.1	19.2
P/B (lần)	2.24	2.09	1.96
Lợi suất cổ tức (%)	4.07	2.59	2.39

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GMD là doanh nghiệp cảng biển tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với hệ thống cảng trải dài trên toàn quốc và hệ thống logistics tích hợp.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2024: Lợi nhuận thuần tăng mạnh nhờ sản lượng tích cực

- KQKD Q4/2024 của GMD vượt dự báo của HSC. Lợi nhuận thuần đạt 235 tỷ đồng, tăng 104% so với cùng kỳ (nhưng giảm 30% so với quý trước). Nếu không tính đến các khoản mục không thường xuyên, chủ yếu là khoản dự phòng liên quan đến các dự án cao su, LNTT từ HĐKD cốt lõi Q4/2024 đạt 569 tỷ đồng, tăng 125% so với cùng kỳ (nhưng giảm 2% so với quý trước) và cao hơn đáng kể (38%) so với dự báo của HSC nhờ quản lý chi phí tốt hơn dự kiến.
- Tính chung cả năm 2024, lợi nhuận thuần đạt 1,5 nghìn tỷ đồng, giảm 35% so với năm 2023 nhưng đạt 106% dự báo cho cả năm 2024 của HSC. Chúng tôi đang xem xét lại dự báo của mình.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 5% trong 1 tháng qua, GMD đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 18,9 lần, thấp hơn bình quân 3 năm ở mức 20,7 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố BCTC Q4/2024

LNTT, lợi nhuận thuần và doanh thu thuần Q4/2024 của GMD đạt lần lượt 351 tỷ đồng, 235 tỷ đồng (tăng 104% so với cùng kỳ, giảm 30% so với quý trước) và 1,4 nghìn tỷ đồng (tăng 37% so với cùng kỳ và 12% so với quý trước). Nếu không tính đến khoản lỗ không thường xuyên 218 tỷ đồng trong Q4/2024 (Q4/2023 không có khoản mục này; Q3/2024 lỗ không thường xuyên 75 tỷ đồng), LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 569 tỷ đồng, tăng 125% so với cùng kỳ (nhưng giảm 2% so với quý trước).

LNTT từ HĐKD cốt lõi tăng mạnh so với cùng kỳ nhờ sản lượng tăng trưởng mạnh nhưng giảm nhẹ so với quý trước do chi phí HĐKD tăng lên, do GMD thường ghi nhận chi phí HĐKD cao hơn (nhân công, thuê ngoài, v.v.) trong quý cuối năm. Trong quý, GMD đã trích lập dự phòng 334 tỷ đồng liên quan đến các dự án cao su và dự phòng tại nạn tàu biển (hiện chưa có thông tin chi tiết về từng khoản mục dự phòng này) đồng thời ghi nhận khoản lợi nhuận 115 tỷ đồng từ việc hoàn nhập thuế phải trả từ các năm trước cho các dự án cao su.

Tăng trưởng doanh thu thuần đến từ mảng cảng biển

Trong Q4/2024, doanh thu thuần tăng 37% so với cùng kỳ và 12% so với quý trước chủ yếu nhờ mảng cảng biển, với doanh thu đạt 1,3 nghìn tỷ đồng, tăng 55% so với cùng kỳ và 17% so với quý trước. Trong khi đó, mảng logistic chỉ ghi nhận 134 tỷ đồng doanh thu, giảm 35% so với cùng kỳ và 20% so với quý trước.

GMD không công bố chi tiết sản lượng, nhưng theo Hiệp hội Cảng biển Việt Nam, cảng Nam Đình Vũ (chưa niêm yết, GMD sở hữu 60% cổ phần) – cảng biển chính của GMD ở miền Bắc – đã tiếp nhận xử lý 425.572 TEU hàng hoá, tăng 58% so với cùng kỳ và 27% so với quý trước, nhờ các tuyến dịch vụ mới từ tháng 7/2024 sau khi luồng Kênh Hà Nam hoàn thành nạo vét.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/2 .

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, GMD

Lợi nhuận thuần và LNTT cốt lõi tăng mạnh nhờ sản lượng hàng hóa tăng

	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	1,412	37%	12%	3,845	4,832	26%
Lợi nhuận thuần	235	104%	-30%	2,250	1,459	-35%
LNTT cốt lõi	569	125%	-2%	1,301	1,916	47%

Nguồn: GMD

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng mạnh so với cùng kỳ nhờ sản lượng cải thiện

Lợi nhuận gộp Q4/2024 đạt 629 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ và 8% so với quý trước. Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên mức 44,6% so với 41,2% trong Q4/2023 khi công suất hoạt động của cảng tăng lên do sản lượng tích cực hơn. So với quý trước, tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 1,4 điểm phần trăm từ mức 46,0% trong Q3/2024 do chi phí nhân công tăng (Công ty tăng chi phí thưởng hằng năm cho nhân viên).

Lợi nhuận từ các công ty liên doanh & liên kết tăng mạnh trong Q4/2024

GMD ghi nhận lợi nhuận từ các công ty liên doanh & liên kết ở mức cao kỷ lục 312 tỷ đồng trong Q4/2024, tăng 125% so với cùng kỳ và 41% so với quý trước. Kết quả này có được chủ yếu nhờ lợi nhuận tăng mạnh tại cảng nước sâu Gemalink (GIL, chưa niêm yết, GMD sở hữu 65% cổ phần, hạch toán là công ty liên kết của GMD) và CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCS; Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 85.000đ, GMD sở hữu 36,24% cổ phần).

Trong Q4/2024, GMD ghi nhận lợi nhuận kỷ lục 229 tỷ đồng từ GIL, tăng 217% so với cùng kỳ và 50% so với quý trước, nhờ sản lượng tăng mạnh và quản lý chi phí hiệu quả. GIL đã tiếp nhận xử lý 443.700 TEU hàng hoá trong Q4/2024, tăng 91% so với cùng kỳ nhờ các tuyến dịch vụ mới nhận được từ Q4/2023 nhưng giảm 9% so với quý trước do sản lượng chuyển tải nhận được từ từ tình trạng tắc nghẽn cảng Singapore đã giảm bớt.

SCS cũng ghi nhận lợi nhuận tăng mạnh 33% so với cùng kỳ trong Q4/2024 đạt 170 tỷ đồng (giảm 8% so với quý trước) nhờ sản lượng tích cực (có sự đóng góp của một khách hàng mới từ tháng 2/2024).

Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm

Chi phí bán hàng & quản lý đạt 270 tỷ đồng trong Q4/2024, giảm 2% so với cùng kỳ nhưng tăng 48% so với quý trước. Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu là 19,1% so với mức 26,7% trong Q4/2023 và 14,4% trong Q3/2024. Tỷ lệ này giảm so với cùng kỳ nhờ việc quản lý chi phí hiệu quả hơn, trong khi tỷ lệ này tăng so với quý trước do GMD thường ghi nhận chi phí HĐKD cao hơn (nhân công, thuê ngoài, v.v.) trong quý cuối năm.

Xem xét lại dự báo

Sau khi giá cổ phiếu giảm 5% trong 1 tháng qua, GMD đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 18,9 lần, thấp hơn bình quân 3 năm ở mức 20,7 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 81.800đ (tiềm năng tăng giá 31%).

Do LNTT từ HĐKD cốt lõi trong Q4/2024 vượt dự báo của HSC nhờ sản lượng hàng hoá qua cảng Nam Đình Vũ tăng mạnh hơn dự kiến và việc quản lý chi phí hiệu quả hơn, HSC đang xem xét lại dự báo của mình. Lưu ý, GMD vẫn đang tìm kiếm nhà đầu tư để thoái vốn khỏi các dự án cao su và dự kiến sẽ hoàn thành việc này vào năm 2025. Hiện tại, HSC chưa đưa việc thoái vốn này vào mô hình dự báo của mình do chưa xác định được tiến độ và thông tin không đầy đủ.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	3,898	3,846	4,676	5,003	5,650
Lợi nhuận gộp	1,718	1,776	1,998	2,133	2,451
Chi phí BH&QL	(667)	(660)	(772)	(826)	(932)
Thu nhập khác	(30.6)	(69.0)	(93.5)	(50.0)	(56.5)
Chi phí khác	30.3	53.1	23.4	25.0	28.3
EBIT	1,051	1,100	1,156	1,283	1,490
Lãi vay thuần	(142)	1,772	205	99.0	(15.7)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	399	272	670	766	951
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	1,308	3,144	2,031	2,148	2,425
Chi phí thuế TNDN	(147)	(642)	(284)	(304)	(324)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(167)	(280)	(377)	(377)	(403)
LNST không thường xuyên	-	-	(336)	-	-
Lợi nhuận thuần	994	2,222	1,370	1,467	1,698
Lợi nhuận thuần ĐC	914	2,158	925	1,350	1,563
EBITDA ĐC	1,843	1,767	2,241	2,499	2,997
EPS (đồng)	3,298	7,335	3,309	3,544	4,103
EPS ĐC (đồng)	3,034	7,126	2,234	3,260	3,774
DPS (đồng)	1,421	2,551	1,626	1,500	1,700
Slg CP bình quân (triệu đv)	301	303	414	414	414
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	301	306	414	414	414
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	301	306	414	414	414

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	1,364	1,474	2,521	1,775	1,380
Đầu tư ngắn hạn	82.2	356	3,289	3,518	3,971
Phải thu khách hàng	868	1,212	1,234	1,321	1,494
Hàng tồn kho	82.5	68.2	82.9	88.7	100
Các tài sản ngắn hạn khác	222	290	353	378	427
Tổng tài sản ngắn hạn	2,619	3,401	7,480	7,081	7,372
TSCĐ hữu hình	2,956	3,894	3,769	6,119	5,563
TSCĐ vô hình	262	258	250	242	233
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	2,830	1,799	1,703	1,719	1,735
Đầu tư vào Cty LD,LK	3,026	3,083	3,640	4,330	5,407
Tài sản dài hạn khác	1,339	1,107	1,329	1,435	1,621
Tổng tài sản dài hạn	10,412	10,141	10,691	13,844	14,558
Tổng cộng tài sản	13,031	13,542	18,171	20,925	21,930
Nợ ngắn hạn	543	446	542	580	655
Phải trả người bán	838	508	701	751	848
Nợ ngắn hạn khác	1,737	901	1,097	1,173	1,325
Tổng nợ ngắn hạn	3,211	1,936	2,439	2,610	2,947
Nợ dài hạn	1,486	1,518	1,444	3,149	2,759
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	386	381	463	496	560
Tổng nợ dài hạn	1,872	1,899	1,908	3,644	3,319
Tổng nợ phải trả	5,083	3,836	4,347	6,254	6,265
Vốn chủ sở hữu	6,926	8,558	12,446	13,223	14,145
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,022	1,149	1,379	1,448	1,520
Tổng vốn chủ sở hữu	7,948	9,707	13,825	14,671	15,665
Tổng nợ phải trả và VCSH	13,031	13,542	18,171	20,925	21,930
BVPS (đ)	22,981	27,975	30,064	31,942	34,168
Nợ thuần/(tiền mặt)	665	490	(535)	1,953	2,034

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	1,051	1,100	1,156	1,283	1,490
Khấu hao	(393)	(395)	(415)	(450)	(556)
Lãi vay thuần	(142)	1,772	205	99.0	(15.7)
Thuế TNDN đã nộp	(147)	(625)	(284)	(304)	(324)
Thay đổi vốn lưu động	1,077	(836)	(3,087)	(479)	(932)
Khác	(432)	(2,268)	12.0	4.42	8.75
LCT thuần từ HKKD	2,299	(88.2)	(399)	1,689	1,778
Đầu tư TS dài hạn	(1,366)	(1,068)	(346)	(2,866)	(77.9)
Góp vốn & đầu tư	88.0	(803)	(558)	(690)	(1,077)
Thanh lý	4.40	2,447	0	0	0
Khác	38.5	437	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(1,235)	1,013	(904)	(3,556)	(1,154)
Cổ tức trả cho CSH	(428)	(780)	(673)	(621)	(704)
Thu từ phát hành CP	0	45.2	3,000	0	0
Tăng/giảm nợ	132	(45.3)	22.6	1,742	(315)
Khác	(41.4)	(35.4)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(338)	(816)	2,350	1,121	(1,019)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	637	1,364	1,474	2,521	1,775
LCT thuần trong kỳ	727	109	1,047	(746)	(395)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.06	0.49	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,364	1,474	2,521	1,775	1,380
Dòng tiền tự do	934	(1,156)	(745)	(1,177)	1,700

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	44.1	46.2	42.7	42.6	43.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	47.3	45.9	47.9	50.0	53.0
Tỷ suất LNT (%)	25.5	57.8	29.3	29.3	30.1
Thuế TNDN hiện hành (%)	11.2	20.4	14.0	14.2	13.4
Tăng trưởng doanh thu (%)	21.6	(1.34)	21.6	6.99	12.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	47.0	(4.16)	26.9	11.5	19.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	62.4	136	(57.2)	46.0	15.8
Tăng trưởng EPS (%)	62.4	122	(54.9)	7.09	15.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	62.4	135	(68.7)	46.0	15.8
Tăng trưởng DPS (%)	0.45	79.6	(36.3)	(7.73)	13.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	43.1	34.8	49.1	42.3	41.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	15.0	28.7	13.0	11.4	12.4
ROACE (%)	11.5	10.3	8.46	7.54	7.99
Vòng quay tài sản (lần)	0.33	0.29	0.29	0.26	0.26
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	2.19	(0.08)	(0.34)	1.32	1.19
Số ngày tồn kho	13.8	12.0	11.3	11.3	11.4
Số ngày phải thu	145	214	168	168	170
Số ngày phải trả	140	89.6	95.6	95.5	96.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	9.62	5.78	(4.25)	14.8	14.4
Nợ/tài sản (%)	15.6	14.5	11.0	17.8	15.6
EBIT/lãi vay (lần)	7.42	N/a	N/a	N/a	94.7
Nợ/EBITDA (lần)	1.41	1.32	1.27	2.16	1.67
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.82	1.76	3.07	2.71	2.50
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	5.26	5.32	5.03	5.16	4.52
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.1	11.6	10.5	10.3	8.52
P/E (lần)	19.0	8.55	18.9	17.7	15.3
P/E ĐC (lần)	20.7	8.80	28.1	19.2	16.6
P/B (lần)	2.73	2.24	2.09	1.96	1.84
Lợi suất cổ tức (%)	2.27	4.07	2.59	2.39	2.71

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn